

**28/03/2023**

# BIÊN BẢN NHẬN HÀNG PO-142707

Khách hàng: VIN-919

VINCOMMERCE - VINMART CROSS DOCKING

Nhà cung cấp: 2003606

NGOC THOM-C

Nhiệt độ yêu cầu:

Giờ xe đến:

Loại hàng: HÀNG MÁT

Số xe:

Giờ nhận hàng:

Loại xe giao hàng:

Nhiệt độ trong xe ngay khi mở cửa xe:

°C

Nhiệt độ kiện hàng ngẫu nhiên:

°C

Nếu nhiệt độ kiện hàng không đạt yêu cầu thì SCS chỉ nhận hàng, nhà cung cấp hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu hư hỏng xảy ra trong quá trình vận chuyển:

Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐

Tinh trạng kiện hàng: Thùng rách ☐ Hư hỏng ☐ Mùi hôi ☐ Bẩn ☐ Móp méo ☐ Ướt, chảy nước ☐

| Mã hàng | Tên hàng          | Mã kho | Tên kho            | Số SO                 | Nhận hàng thực tế |        |       |                 | Ghi chú |
|---------|-------------------|--------|--------------------|-----------------------|-------------------|--------|-------|-----------------|---------|
|         |                   |        |                    |                       | Net(kgs)          | Gross  | Thùng | Khay2.5 Khay1.6 |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 3829   | CẦN THƠ- Khu Vực   | 4147992753            | 6.0               | 6.0    | 1     |                 |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 1593   | Vinmart Trà Vinh   | 4148003201            | 14.0              | 14.0   | 1     |                 |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 4623   | LONG AN-69 Hùng    | 4147993812-4148006321 | 10.0              | 10.0   | 1     |                 |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 4606   | AN GIANG- TDS 70-  | 4148014602            | 5.0               | 5.0    | 1     |                 |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 4576   | AN GIANG- AGG 01   | 4148008941            | 5.0               | 5.0    | 1     |                 |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 4572   | AN GIANG- 77 Ung   | 4148005924            | 5.0               | 5.0    | 1     |                 |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 4548   | CẦN THƠ-51 Đườ     | 4148005923            | 5.0               | 5.0    | 1     |                 |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 4530   | CẦN THƠ-44-46 BÙ   | 4147915872            | 10.0              | 10.0   | 1     |                 |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 5059   | BẾN TRE- 80 Nguyễn | 4148010968            | 6.0               | 6.0    | 1     |                 |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 4224   | VŨNG TÀU-1481 Đ    | 4148039464            | 8.0               | 8.0    | 1     |                 |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 5078   | CẦN THƠ- Thừa 17   | 4147978569            | 5.0               | 5.0    | 1     |                 |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 3735   | CẦN THƠ-21-22 VÔ   | 4148012888            | 8.0               | 8.0    | 1     |                 |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 3610   | NHA TRANG-513 D    | 4148025942            | 10.0              | 10.0   | 1     |                 |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 3459   | NHA TRANG-184 D    | 4148034373            | 12.0              | 12.0   | 1     |                 |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 3457   | Vũng Tàu-21A Lê L  | 4148032357            | 5.0               | 5.0    | 1     |                 |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 3425   | Vũng Tàu-CC Chi Li | 4148004152            | 7.0               | 7.0    | 1     |                 |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 3234   | NHA TRANG- 124B    | 4147946542            | 6.0               | 6.0    | 1     |                 |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 1615   | VM - Tây Ninh      | 4148009984            | 7.0               | 7.0    | 1     |                 |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 4292   | CẦN THƠ-184 Trần   | 4147930389            | 4.0               | 4.0    | 1     |                 |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 6499   | LONG AN-74 Đườ     | 4147997670            | 4.0               | 4.0    | 1     |                 |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 6799   | AN GIANG- Tổ 1, Đ. | 4148007825            | 4.0               | 4.0    | 1     |                 |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 6759   | AN GIANG-Tổ 8, Ấp  | 4148005815            | 5.0               | 5.0    | 1     |                 |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 6672   | LONG AN-78 Huỳnh   | 4147993118            | 4.0               | 4.0    | 1     |                 |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 6655   | AN GIANG-108 Trư   | 4148037820            | 6.0               | 6.0    | 1     |                 |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 6651   | TIỀN GIANG-378 Lê  | 4148039573            | 5.0               | 5.0    | 1     |                 |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 6594   | TIỀN GIANG- 74/7 L | 4148035162            | 5.0               | 5.0    | 1     |                 |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 6550   | TIỀN GIANG-1 Võ T  | 4148031310            | 5.0               | 5.0    | 1     |                 |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 5052   | CÀ MAU- 23 Nguyễn  | 4147995515            | 6.0               | 6.0    | 1     |                 |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 6530   | AN GIANG-107 Ngu   | 4148007365            | 5.0               | 5.0    | 1     |                 |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 6874   | AN GIANG- 662 Trầ  | 4148003398            | 5.0               | 5.0    | 1     |                 |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 6483   | AN GIANG-Thừa 40   | 4148007093            | 5.0               | 5.0    | 1     |                 |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 6426   | VŨNG TÀU- TR4, T   | 4148008466            | 6.0               | 6.0    | 1     |                 |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 5795   | LONG AN- 236A-23   | 4148028860            | 4.0               | 4.0    | 1     |                 |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 5518   | AN GIANG-141/5 N   | 4148000603            | 5.0               | 5.0    | 1     |                 |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 5476   | CÀ MAU-127 Nguyễn  | 4147950698            | 6.0               | 6.0    | 1     |                 |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 5237   | CÀ MAU- 168 Lý Th  | 4148006245            | 6.0               | 6.0    | 1     |                 |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 5126   | VŨNG TÀU-159 Lê    | 4148011256            | 6.0               | 6.0    | 1     |                 |         |
| 22      | CROSS DOCKING - C | 6537   | AN GIANG- 582 đư   | 4148042718            | 5.0               | 5.0    | 1     |                 |         |
| TOTAL:  |                   |        |                    |                       | 235.00            | 235.00 | 38    |                 |         |

minh 28/3

AL:

Lưu ý: Từ ngày 14/12/2016, nhà cung cấp  
phải niêm phong thùng hàng khi gửi tới kho  
lạnh Swire

Nhà cung cấp/ NVC

(Kí, ghi rõ họ tên và số điện thoại)  
Tất cả các thùng hàng đã được kiểm  
tra niêm phong

 **emergentcold**  
**CÔNG TY TNHH EMERGENT COLD VIỆT NAM**  
Số 18, Đường số 6, KCN Sóng Thần 1  
P. Dĩ An, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam  
Tel: 0274 3737690  
Email: [phan.ops45@lineage-logistics.com](mailto:phan.ops45@lineage-logistics.com)  
Nguyễn Thị Hiền

minh  
28/3

# Đơn đặt hàng / Purchase Order

Được phê duyệt bởi: WM+ CTO 44-46 Bùi Quang Trinh



|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Thông tin xuất hóa đơn (Billing Information)</b><br>CHI NHÁNH CẦN THƠ - CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI<br>TỔNG HỢP WINCOMMERCE<br>Số 42, Đường 30/4, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần<br>Thơ, Việt Nam<br>MST: 0104918404-016<br><b>Địa chỉ giao hàng (Delivery Address)</b><br>4530-WM+ CTO 44-46 Bùi Quang Trinh<br>44-46 Bùi Quang Trinh, khu dân cư 586, Phường Phú Thứ, Quận Cái<br>Răng, TP. Cần Thơ Việt Nam<br>2471066866-45301 | <b>Thông tin đơn hàng (Information)</b><br>Số đơn hàng (PO No.) 4147915872<br>Ngày đặt hàng (PO date) 22.03.2023<br>Nhóm đặt hàng (Purchaser) 002 - Giao hàng qua DC<br>Người đặt hàng (Purchaser) WM+ CTO 44-46 Bùi Quang Trinh<br>Số điện thoại 02471066866<br>Email 4530@winmart.masangroup.com<br>Ngày giao (Delivery Date) 31.03.2023<br>Ghi chú |
| <b>Nhà cung cấp (Supplier): 0002003606</b><br>CTY TNHH MTV TMDV NGỌC THƠM<br>12/14/18 đường 49, Khu phố 7, phường Hiệp Bình Chánh, TP. Thủ Đức,                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |

| Stt<br>(No.)                                           | Tên hàng<br>(Item Description)                  | Mã vạch<br>(Barcode) | Số lượng<br>(Quantity) | ĐVT<br>(Unit) | Đơn giá<br>(Unit Price) | Thành tiền (VND)<br>(Amount) |
|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|----------------------|------------------------|---------------|-------------------------|------------------------------|
| 10                                                     | 10005984<br>THU HẰNG Chân giò heo muối gói 300g | 8938508668014        | 6                      | G1            | 73,431                  | 440,586                      |
| 20                                                     | 10005986<br>THU HẰNG Gà muối gói 500g           | 8938508668212        | 6                      | G1            | 111,058                 | 666,348                      |
| 30                                                     | 10005981<br>THU HẰNG Bắp bò muối gói 200g       | 8938508668137        | 6                      | G1            | 87,787                  | 526,722                      |
| 40                                                     | 10182348<br>Ngọc Thơm_Giò lụa 250g              | 8938529045177        | 3                      | G1            | 59,400                  | 178,200                      |
| 50                                                     | 10182351<br>Ngọc Thơm_Chả cốm 300g              | 8938529045139        | 4                      | G1            | 74,250                  | 297,000                      |
| 60                                                     | 10182353<br>Ngọc Thơm_Chân gà sốt cay 400g      | 8938529045221        | 3                      | G1            | 90,750                  | 272,250                      |
| <b>Tổng giá trị trước thuế (Total excl VAT amount)</b> |                                                 |                      |                        |               |                         | <b>2,381,106</b>             |
| - 5% (VAT)                                             |                                                 |                      |                        |               |                         | 0                            |
| - 8% (VAT)                                             |                                                 |                      |                        |               |                         | 0                            |
| - 10% (VAT)                                            |                                                 |                      |                        |               |                         | 238,110.6                    |
| - 15% (VAT)                                            |                                                 |                      |                        |               |                         | 0                            |
| <b>Thuế GTGT (VAT Amount)</b>                          |                                                 |                      |                        |               |                         | <b>238,110.6</b>             |
| <b>Tổng giá trị đơn hàng (Total amount)</b>            |                                                 |                      |                        |               |                         | <b>2,619,216.6</b>           |